

## **ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG THỰC VẬT LÀM THUỐC TẠI CÁC HUYỆN VEN BIỂN TỈNH THÁI BÌNH**

**ĐỖ THANH TUẤN**

*Trưởng Đại học Y dược Thái Bình*

**TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH**

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

**HOÀNG LÊ TUẤN ANH**

*Viện Hóa sinh biển,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Công ước Đa dạng sinh học ra đời năm 1992 là cam kết chung của các quốc gia trên thế giới để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thái Bình là một tỉnh ven biển đồng bằng Bắc bộ, có đặc điểm chung của đồng bằng châu thổ, đồng thời có những nét riêng. Tỉnh Thái Bình có 2 trong số 5 khu vực đa dạng sinh học được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới châu thổ Sông Hồng, 3 khu vực còn lại thuộc Nam Định và Ninh Bình.

Tại vùng ven biển Thái Bình hiện nay có 11.750 ha rừng ngập mặn, trong đó rừng Bần tự nhiên có hơn 500 ha, rừng Sú, Vẹt tự nhiên khoảng 3000 ha, còn lại hơn 7000 ha là rừng trồng.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, đặc biệt là ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, diện tích rừng ngập mặn bị suy giảm và thay đổi. Những quần thể thực vật này thường dễ bị tổn thương và ít có khả năng thích nghi khi môi trường sống bị thay đổi. Nhiều loài đang bị đe dọa. Nhiều loài trong số này có giá trị khoa học, y học và thương mại cao.

Kết quả nghiên cứu tính đa dạng thực vật làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình có ý nghĩa quan trọng cả về khoa học và thực tiễn nhằm cung cấp những dẫn liệu mới và cơ bản, góp phần bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên của khu dự trữ sinh quyển đồng bằng Bắc bộ.

### **I. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

1. Địa điểm nghiên cứu: 2 huyện ven biển Thái Thụy, Tiền Hải tỉnh Thái Bình

2. Đối tượng nghiên cứu: Các loài thực vật bậc cao có mạch được sử dụng làm thuốc tại 2 huyện trên.

### **3. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp kế thừa: kế thừa các tài liệu có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

- Phương pháp khảo sát thực địa theo tuyến để thu thập dẫn liệu về thành phần loài cây thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình [4].

- Xác định tên khoa học bằng phương pháp so sánh hình thái, lập danh lục các loài cây thuốc theo các tài liệu của Nguyễn Tiến Bản [1], Phạm Hoàng Hộ [3].

- Đánh giá đa dạng theo "Các phương pháp nghiên cứu thực vật" của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [4]. Xác định giá trị làm thuốc của thực vật theo các tài liệu của Đỗ Tất Lợi [5] và Võ Văn Chi [6].

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Tính đa dạng về các bậc taxon

Kết quả phân tích thành phần loài tại khu vực nghiên cứu cho thấy tại đây có 319 loài thuộc 255 chi, 85 họ thuộc 3 ngành thực vật. Kết quả được thực hiện trong bảng sau:

Bảng 1

**Thống kê số lượng họ, chi, loài trong các ngành thực vật tại 2 huyện Thái Thụy, Tiền Hải của tỉnh Thái Bình**

Ngành	Số họ	Tỉ lệ % số họ	Số chi	Tỉ lệ % số chi	Số loài	Tỉ lệ % số loài
<b>1. Polypodiophyta</b> (Ngành Dương xỉ)	1	1,12	1	0,39	1	0,31
<b>2. Pinophyta</b> (Ngành Thông)	1	1,12	1	0,39	1	0,31
<b>3. Magnoliophyta</b> (Ngành Ngọc Lan)	83	97,76	253	99,22	317	99,38
<b>Tổng số</b>	85	100	255	100	319	100

Bảng thống kê này cho ta thấy mức độ đa dạng cây thuốc ở khu vực 2 huyện ven biển của tỉnh Thái Bình là khá cao. Thành phần của các bậc taxon phân bố không đều nhau trong đó chiếm ưu thế là cây thuốc thuộc ngành Ngọc Lan chiếm tỉ lệ 97,76% tổng số loài cây thuốc thu được. Hai ngành còn lại chiếm tỉ lệ rất nhỏ.

So với số loài cây thuốc ở Việt Nam (3200 loài) thì số lượng loài ở đây không lớn (319 loài) nhưng trong phạm vi giới hạn diện tích của khu vực này thì tài nguyên cây thuốc ở đây là khá phong phú và đa dạng.

Bảng 2

**So sánh hệ cây thuốc tại 2 huyện Thái Thụy, Tiền Hải của tỉnh Thái Bình với hệ cây thuốc Việt Nam**

Các chỉ tiêu so sánh	Huyện Thái Thụy, Tiền Hải của tỉnh Thái Bình	Việt Nam	Tỉ lệ so sánh của huyện Thái Thụy, Tiền Hải của tỉnh Thái Bình với Việt Nam (%)
Diện tích (km <sup>2</sup> )	483	330.000	0,15
Số họ	85	300	28,33
Số chi	255	1200	21,25
Số loài	319	3200	9,97

(Số loài cây thuốc theo Võ Văn Chi)

Qua bảng 2 ta thấy, so với cả nước thì 2 huyện ven biển của tỉnh Thái Bình diện tích chỉ bằng 0,15% nhưng số họ cây thuốc chiếm 28,33%, số chi chiếm 21,25%, số loài chiếm 9,97% trong tổng số họ, chi, loài cây thuốc cả nước.

### 2. Đa dạng thành phần loài

#### 2.1. Đa dạng bậc họ

Đánh giá đa dạng bậc họ các cây làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình dựa trên danh lục thống kê theo thứ tự 10 họ đầu tiên có số loài nhiều nhất (bảng 3). 10 họ có số loài nhiều nhất có 144 loài (chiếm 45,14% tổng số loài làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình); nhiều nhất là họ Cúc (Asteraceae) chiếm 10,66% tổng số loài, họ Thầu dầu

(Euphorbiaceae) chiếm 5,64%, họ Đậu (Fabaceae) chiếm 4,70%, họ Lúa (Poaceae) chiếm 4,39%, họ Cờ roi ngựa (Verbenaceae) chiếm 4,01%.

Trong các họ còn lại thì có 3 họ có 7 loài (chiếm 6,58% tổng số loài), 3 họ có 6 loài (chiếm 5,64%), 4 họ có 5 loài (chiếm 6,27%), 5 họ có 4 loài (chiếm 6,27%), 10 họ có 3 loài (chiếm 9,40%), 16 họ có 2 loài (chiếm 10,03%) và 34 họ có 1 loài (chiếm 10,67%).

Bảng 3

**10 họ có nhiều loài làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình**

TT	Tên họ	Số loài	Tỷ lệ % trên tổng số loài
1	Asteraceae	34	10,66
2	Euphorbiaceae	18	5,64
3	Fabaceae	15	4,70
4	Poaceae	14	4,39
5	Verbenaceae	13	4,01
6	Cucurbitaceae	11	3,45
7	Moraceae	11	3,44
8	Solanaceae	11	3,45
9	Malvaceae	9	2,82
10	Caesalpiniaceae	8	2,51

**2.2. Đa dạng bậc chi**

Có 2 chi có 6 loài là *Ficus* và *Solanum* (chiếm 3,76% tổng số loài); tiếp theo có 3 chi *Euphorbia*, *Cleodendrum*, *Ipomoea* có 5 loài (chiếm 4,70%); có 7 chi có 3 loài là *Blumea*, *Brassica*, *Senna*, *Hibiscus*, *Polygonum*, *Tradescantia*, *Cyperus* (chiếm 6,58%); có 30 chi có 2 loài (chiếm 18,81%) gồm các chi *Cyperus*, *Amaranthus*, *Annona*, *Chrysanthemum*, *Lactuca*, *Pluchea*, *Wedelia*, *Begonia*, *Chenopodium*, *Kalanchoe*, *Cucumis*, *Momordica*, *Phyllanthus*, *Desmodium*, *Vigna*, *Ocimum*, *Michelia*, *Glinus*, *Artocarpus*, *Oxalis*, *Piper*, *Portuca*, *Ziziphus*, *Hedyotis*, *Paederia*, *Citrus*, *Corchorus*, *Vitex*, *Colocasia*, *Commelina*, *Pandanus*, Còn lại có 211 chi có 1 loài (chiếm 66,15%)

**2. Đa dạng về dạng sống**

Dạng sống đánh giá theo tiêu chuẩn C. Raunkiaer (1934). Tỷ lệ các nhóm dạng sống xác định thành phổ dạng sống (Spectrum of Biology - SB) cho họ các cây làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình.

$$SB = 68,0Ph + 18,5Th + 9,4He + 4,1Cr$$

Phổ dạng sống cho thấy nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm tỷ lệ cao nhất ưu thế hơn hẳn các nhóm khác. Tiếp theo là nhóm cây chồi một năm (Th), chồi nửa ẩn (He) và ít nhất là cây chồi ẩn (Cr). Các loài làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình không loài nào thuộc nhóm Chồi sát đất (Ch).

Trong nhóm cây chồi trên mặt đất (Ph), Cây dây leo sống (Li) có tỷ lệ cao nhất (chiếm 20,06% tổng số loài), tiếp theo là Cây chồi trên lùn (Na) (17,86%), Cây chồi trên nhỏ (Me) (11,28%), Cây chồi trên nhỏ (Mi) (6,58%), Cây chồi trên to (Mg) (5,96%), Cây chồi trên thân thảo (Hp) (4,07%), Cây mọc nước (Suc) (1,57%) và ít nhất là Cây ký sinh hay bán ký sinh (Pp) (0,62%).

**3. Các loài cây thuốc bị đe dọa, có nguy cơ tuyệt chủng, ghi tên trong Sách Đỏ và Danh lục Đỏ Việt Nam (2007)**

Trong số các loài được sử dụng làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình chỉ có 3 loài thuộc phân hạng Ít lo ngại (LC – Least concern: bao gồm các taxon không được coi là phụ thuộc bảo tồn hoặc sắp bị đe dọa) theo IUCN (2014) và không có loài nào có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

Bảng 4

**Danh sách các loài thực vật có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2014)**

TT		Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Dạng sống
Họ	Loài			
		<b>LILIOPSIDA</b>	<b>Lớp Hành</b>	
<b>1</b>		<b>Cyperaceae</b>	<b>Họ Cói</b>	
	1	<i>Cyperus rotundus</i> L.	Hương phụ, Cỏ gấu	LC
	2	<i>Cyperus stoloniferus</i> Retz.	Củ gấu biển	LC
<b>2</b>		<b>Poaceae</b>	<b>Họ Lúa</b>	
	3	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn.	Cỏ mần trầu	LC

**III. KẾT LUẬN**

- Thành phần loài cây thuốc tại 2 huyện ven biển Tiền Hải, Thái Thụy của tỉnh Thái Bình được thống kê và định danh gồm 319 loài thuộc 252 chi, 85 họ thuộc 3 ngành thực vật.

- Trong số các họ thực vật làm thuốc có 10 họ có số loài nhiều nhất có 144 loài (chiếm 45,14% tổng số loài làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình). Tiếp theo có 3 họ có 7 loài (chiếm 6,58%), 3 họ có 6 loài (chiếm 5,64%), 4 họ có 5 loài (chiếm 6,27%), 5 họ có 4 loài (chiếm 6,27%), 10 họ có 3 loài (chiếm 9,40%), 16 họ có 2 loài (chiếm 10,03%) và 34 họ có 1 loài (chiếm 10,67%).

- Trong số các chi làm thuốc có 2 chi có 6 loài (chiếm 3,76% tổng số loài); tiếp theo có 3 chi có 5 loài (chiếm 4,70%); có 7 chi có 3 loài (chiếm 6,58%); có 30 chi có 2 loài (chiếm 18,81%), còn lại có 211 chi chỉ có 1 loài (chiếm 66,15%).

- Phổ dạng sống của các loài làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình:

$$SB = 68,0Ph + 18,5Th + 9,4He + 4,1Cr$$

- Trong số các loài được sử dụng làm thuốc tại các huyện ven biển tỉnh Thái Bình chỉ có 3 loài thuộc phân hạng Ít lo ngại (LC – Least concern: bao gồm các taxon không được coi là phụ thuộc bảo tồn hoặc sắp bị đe dọa) theo IUCN (2014) và không có loài nào có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

*Lời cảm ơn: Công trình được hoàn thành với sự tài trợ kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ Thái Bình, mã số TB-CT/CN05/15-16.*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên) và cs, 2003-2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, tập 3.
2. Nguyễn Anh Đức, 2013 -2014. Báo cáo chuyên đề: “Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thực vật bậc cao có mạch thuộc HST bãi bồi huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình”. Đề tài cấp tỉnh Thái Bình.

3. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999 - 2000. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Tré. Tp. Hồ Chí Minh, tập 1-3.
4. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. **Đỗ Tất Lợi**, 1999. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. KHKT, Hà Nội.
6. **Võ Văn Chi**, 1997. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y Học, Tp. Hồ Chí Minh.
7. **Võ Văn Chi - Trần Hợp**, 1999 - 2001. Cây cỏ có ích ở Việt Nam, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, (2 tập).
8. **Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương**, 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Nxb. KHKT.

## DIVERSITY OF MEDICINAL PLANTS IN THE COASTAL DISTRICTS OF THAI BINH PROVINCE

DO THANH TUAN, TRAN THI PHUONG ANH, HOANG LE TUAN ANH  
SUMMARY

Present study documents diversity of medicinal plants in the coastal districts of Thai Binh province. We could identify 319 medicinal species belonging to 255 genera, 85 families, 3 phyla of vascular plants in 2 coastal districts of Thai Binh Province.

Asteraceae was the family with highest number of medicinal species (34). The spectrum of Biology of medicinal species in coastal districts of Thai Binh province was determined as follows:

$$SB = 68.0Ph + 18.5Th + 9.4He + 4.1Cr$$

Among these, only 3 species belong to LC criteria of IUCN List (2014) and none of them was listed in Red Data Book of Vietnam (2007.).